|  |  |
| --- | --- |
| **­­BỘ TƯ PHÁP**  Số: /TTr-BTP | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị xây dựng dự án Luật Công chứng (sửa đổi)**

Kính gửi: Chính phủ

Luật Công chứng (sửa đổi) được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 20/6/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015. Sau hơn 7 năm triển khai thực hiện, Luật Công chứng đã đi vào cuộc sống, đạt nhiều kết quả cụ thể, tiếp tục đóng góp tích cực vào việc thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động công chứng; đảm bảo tính an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch, giá trị sử dụng bản dịch, góp phần tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi, tin cậy cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh, thương mại và góp phần quan trọng vào tiến trình cải cách hành chính và cải cách tư pháp. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh một số vấn đề mới chưa được Luật Công chứng điều chỉnh; một số quy định của Luật đã bộc lộ hạn chế, bất cập cần sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và phù hợp với thông lệ quốc tế. Thực hiện nhiệm vụ được xác định tại Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19/KL-TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (ban hành kèm theo Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ), Bộ Tư pháp đã thực hiện các công việc cần thiết để xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công chứng (sửa đổi). Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ về đề nghị xây dựng Luật Công chứng (sửa đổi) (sau đây gọi chung là Đề nghị) với các nội dung chủ yếu sau đây:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT CÔNG CHỨNG (SỬA ĐỔI)**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Đảng và nhà nước đang đẩy mạnh cải cách cải cách hành chính, cải cách tư pháp (trong đó có hoạt động bổ trợ tư pháp nói chung và công chứng nói riêng). Nhiều Nghị quyết, văn kiện của Đảng, văn bản pháp luật của nhà nước đã xác định chủ trương, định hướng cũng như giải pháp, quy định về đổi mới, nâng cao hoạt động tư pháp nói chung và hoạt động bổ trợ tư pháp - hoạt động công chứng nói riêng như: Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 - 2016, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần Sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần Sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, theo đó tác động trực tiếp đến việc chuyển đổi, giải thể các Phòng công chứng, Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng, Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “*Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.*

Hiện nay, nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động công chứng đã được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới. Các văn bản nêu trên có nhiều quy định tác động trực tiếp đến tổ chức và hoạt động công chứng. Để triển khai chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, bảo đảm tính thống nhất, tính đồng bộ của hệ thống pháp luật thì việc rà soát, hoàn thiện các pháp luật về công chứng đảm bảo đồng bộ, thống nhất với văn bản pháp luật khác có liên quan là yêu cầu cần thiết. Vì vậy, Chính phủ đã có chủ trương trình Quốc hội xem xét dự án Luật Công chứng (sửa đổi).

**2. Cơ sở thực tiễn**

Trước yêu cầu thực tiễn của hoạt động công chứng và để tiếp tục thể chế hoá Nghị quyết số 49-NQ/TW, tạo cơ sở pháp lý cho việc đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động công chứng, đảm bảo thực hiện tốt các nghĩa vụ thành viên của Liên minh công chứng Quốc tế, Luật Công chứng năm 2014 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20/6/2014 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015. Luật Công chứng năm 2014 kế thừa những quy định còn phù hợp của Luật Công chứng năm 2006, đồng thời bổ sung một số quy định nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chứng viên, nâng cao chất lượng hoạt động công chứng, hoàn thiện một bước thể chế công chứng theo định hướng xã hội hóa, góp phần bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức tham gia các hợp đồng, giao dịch, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

Với việc triển khai thi hành Luật Công chứng năm 2014, đội ngũ công chứng viên (CCV) và tổ chức hành nghề công chứng (TCHNCC) ở nước ta đã và đang phát triển với tốc độ khá cao (số lượng CCV tăng 2,7 lần, số lượng TCHNCC tăng hơn 2 lần so với thời điểm Luật Công chứng năm 2014 bắt đầu có hiệu lực thi hành). Không chỉ tăng lên về số lượng, chất lượng đội ngũ CCV cũng có những tiến bộ đáng kể, quy mô và tính chuyên nghiệp của các TCHNCC cũng được nâng cao. Trong 07 năm thi hành Luật Công chứng năm 2014, các TCHNCC trên cả nước đã thực hiện hơn 27 triệu việc công chứng và gần 60 triệu việc chứng thực; tổng số phí công chứng thu được hơn 8 nghìn tỷ đồng, phí chứng thực thu được gần 350 tỷ đồng; tổng số thù lao công chứng thu được hơn 1360 nghìn tỷ đồng; tổng số tiền nộp thuế và nộp ngân sách nhà nước hơn 1600 tỷ đồng. Chiếm tỷ lệ đáng kể (từ 70-80%) số việc công chứng và giá trị phí, thù lao công chứng nêu trên là các việc công chứng hợp đồng, giao dịch về đất đai, nhà ở và các bất động sản khác, qua đó bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch đối với những tài sản có giá trị lớn, đóng vai trò là phương tiện sản xuất cơ bản trong nền kinh tế, đồng thời là tài sản có giá trị quan trọng đối với các cá nhân, tổ chức. Việc công chứng các hợp đồng, giao dịch về đất đai, nhà ở còn góp phần quan trọng trong công tác quản lý nhà nước đối với quá trình luân chuyển quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, tránh thất thoát nguồn thu thuế, giảm gánh nặng cho cơ quan tiến hành tố tụng thông qua việc giảm thiểu số lượng và quy mô các tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện các giao dịch liên quan.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, thực tiễn triển khai thực hiện Luật Công chứng năm 2014 cũng cho thấy hoạt động công chứng đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần được khắc phục. Qua công tác tổng kết thi hành Luật Công chứng năm 2014 cho thấy một số bất cập, vướng mắc cơ bản trong hoạt động công chứng hiện nay như sau:

Thứ nhất, chất lượng của một bộ phận CCV còn hạn chế; bên cạnh đó, việc phát triển TCHNCC chưa bảo đảm yêu cầu phân bố hợp lý, hoạt động ổn định và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động hành nghề của CCV

Đội ngũ CCV tuy tăng nhanh về số lượng nhưng chất lượng chưa đồng đều, một bộ phận yếu về chuyên môn, nghiệp vụ, chấp hành không nghiêm các quy định của pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Việc phát triển đội ngũ CCV còn thiếu tính quy hoạch để đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu chứng nhận hợp đồng, giao dịch; việc phân bổ CCV cũng chưa đồng đều, tập trung chủ yếu ở các tỉnh, thành phố lớn, còn các địa phương khác thì tình trạng khan hiếm CCV vẫn thường xuyên diễn ra và chưa có giải pháp hữu hiệu. Tình trạng xin rút hợp danh, gia nhập VPCC của CCV còn dễ dãi, thiếu kiểm soát, thực tế đã phát sinh một số tranh chấp giữa các thành viên hợp danh

Bên cạnh đó, việc phát triển các TCHNCC chưa đáp ứng yêu cầu về số lượng và phân bố hợp lý. Các tỉnh, thành phố có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển thì số lượng VPCC vượt quá so với nhu cầu trong khi các địa bàn vùng sâu, vùng xa thì không thành lập được TCHNCC. Tình trạng trên càng bộc lộ rõ hơn làm gia tăng sự bất hợp lý trong phân bổ các TCHNCC.

Đồng thời, việc VPCC chỉ được hoạt động theo một loại hình duy nhất là công ty hợp danh, trong đó phải có ít nhất 02 thành viên hợp danh là CCV bộc lộ hạn chế dẫn tới việc bộc lộ hạn chế miễn cưỡng hợp danh vì không còn sự lựa chọn nào khác làm phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh chấp nội bộ giữa các thành viên hợp danh. Mặt khác, về danh nghĩa các VPCC hoạt động theo loại hình công ty hợp danh nhưng trên thực tế có không ít VPCC chỉ có 01 CCV hành nghề thực tế, CCV hợp danh còn lại thực chất là “mượn danh”, “đi thuê”,…; nhiều VPCC hoạt động gặp khó khăn do vẫn phải chi trả cho 02 CCV hợp danh, thường xuyên thay đổi CCV nên không bảo đảm tính ổn định, bền vững; việc các VPCC thường xuyên thay đổi CCV cũng gây không ít khó khăn, phức tạp cho công tác quản lý nhà nước về công chứng ở địa phương. Nhiều TCHNCC chưa thực hiện đúng chức năng chính của mình trong việc hỗ trợ hoạt động hành nghề của CCV mà chủ yếu tập trung vào việc quản lý và giữ chân CCV để đáp ứng điều kiện phải có ít nhất 02 CCV hợp danh để duy trì sự tồn tại của tổ chức.

*Thứ hai, việc đồng thời tồn tại hoạt động công chứng, chứng thực đối với các giao dịch, hợp đồng vốn quy định còn khác nhau về điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện công chứng, chứng thực có nguy cơ tạo rủi ro cho việc đảm bảo an toàn pháp lý cho các giao dịch, hợp đồng được chứng thực*

Hoạt động chứng thực hợp đồng, giao dịch về bản chất chính là hoạt động công chứng. Văn bản chứng thực hợp đồng, giao dịch có giá trị như văn bản công chứng, tuy nhiên trình tự, thủ tục chứng thực lại đơn giản hơn nhiều so với công chứng, người thực hiện chứng thực có các tiêu chuẩn, điều kiện, trách nhiệm thấp hơn hẳn so với CCV… Tình trạng này tạo ra sự bất hợp lý khi duy trì hai loại hình hoạt động có cùng bản chất, giá trị nhưng lại có hai tên gọi khác nhau, do các chủ thể khác nhau thực hiện theo các trình tự khác nhau.

*Thứ ba, trình tự, thủ tục công chứng còn nhiều điểm không phù hợp; chất lượng hoạt động công chứng có nơi, có lúc chưa đáp ứng yêu cầu*

Trình tự, thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch còn quy định cứng, chưa tạo tiền đề trong việc công chứng hợp đồng, giao dịch trên môi trường điện tử; việc công chứng hợp đồng ủy quyền còn bị hạn chế bởi nơi họ cư trú của các bên trong hợp đồng hoặc quy định công chứng viên phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội của bản dịch trong khi công chứng viên không có đủ khả năng kiểm soát về vấn đề này.

Chất lượng hoạt động công chứng ở một số địa phương chưa thực sự đáp ứng yêu cầu. Hoạt động của một bộ phận CCV và TCHNCC chưa thực sự chuyên nghiệp, chưa tuân thủ đầy đủ các quy định về trình tự, thủ tục công chứng, đạo đức hành nghề công chứng, không ít trường hợp đã xảy ra hiện tượng chạy theo lợi nhuận hoặc cạnh tranh không lành mạnh giữa các CCV hoặc TCHNCC. Một bộ phận CCV còn yếu về chuyên môn nghiệp vụ, không kịp thời cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành và khả năng khai thác, sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế. Số lượng TCHNCC có trụ sở khang trang, các phương tiện máy móc, thiết bị hiện đại… còn chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng số TCHNCC trong cả nước, đặc biệt là tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội chưa phát triển. Do vậy, có không ít TCHNCC không thu hút được người yêu cầu công chứng, hoạt động cầm chừng, chất lượng dịch vụ công chứng được cung cấp không cao.

*Thứ tư, hoạt động công chứng chưa bắt kịp tiến bộ và ứng dụng công nghệ thông tin trong bối cảnh nền kinh tế đang chuyển đổi số.*

Ngày 03/06/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Ngày 15/06/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 942/QĐ-TTg: Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Trong lĩnh vực tư pháp, ngày 10/06/2021, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành “Kế hoạch chuyển đổi số đến 2025, định hướng đến 2030” (kèm theo Quyết định số 983/QĐ-BTP), trong đó xác định: Chuyển đổi số Ngành Tư pháp là nhiệm vụ quan trọng cần tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả để góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng dịch vụ công của Ngành Tư pháp. Xác định thể chế và công nghệ là động lực của chuyển đổi số; Thể chế cần đi trước một bước. Kiến tạo thể chế, chính sách nhằm sẵn sàng chấp nhận và thử nghiệm quy trình nghiệp vụ mới dựa trên dữ liệu số, công dân số hạ tầng số một cách có kiểm soát; đẩy nhanh tiến trình phát triển Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số Ngành Tư pháp.

Luật Công chứng năm 2014 bắt đầu đề cập đến việc xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng, mặc dù vậy, quy định này đơn thuần hướng tới ứng dụng công nghệ thông tin để ngăn chặn một số rủi ro phát sinh trong hoạt động công chứng chứ chưa tạo cơ sở pháp lý hữu hiệu cho việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và cho hoạt động xây dựng công chứng số. Hiện nay, giao dịch điện tử phát triển mạnh trong nhiều lĩnh vực, bên cạnh đó, công nghệ giả mạo giấy tờ, giả mạo nhân thân, gian lận về công chứng; dịch bệnh Covid-19… đòi hỏi phải ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, triển khai công chứng số. Tuy nhiên, trên thực tế việc ứng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng còn chậm, chưa tương xứng với sự phát triển của nghề công chứng của các nước trong khu vực và trên thế giới, chưa theo kịp tốc độ các ngành, nghề khác trong nước, thiếu sự liên kết, tích hợp giữa cơ sở dữ liệu công chứng với các dữ liệu của các ngành, nghề có liên quan.

Một trong những nguyên nhân quan trọng của những hạn chế, bất cập nêu trên là do Luật Công chứng dự liệu được hết một số vấn đề phát sinh mới, một số nội dung bộc lộ bất cập, chưa phù hợp thực tiễn và thông lệ quốc tế như: Công chứng và chứng thực được điều chỉnh riêng biệt, không có sự tương tác hỗ trợ lẫn nhau; tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm CCV và hành nghề công chứng còn có nhiều điểm chưa chặt chẽ; quy định về tên gọi và mô hình TCHNCC có nhiều điểm chưa phù hợp; các quy định về trình tự, thủ tục công chứng còn khá cứng nhắc, chưa tạo nền tảng pháp lý cho việc chuyển đổi số trong hoạt động công chứng; quy định về quản lý Nhà nước còn một số điểm chưa đồng bộ, thống nhất… Mặt khác, nhiều quy định liên quan đến công chứng trong Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Hôn nhân và gia đình… và các văn bản hướng dẫn thi hành, còn chồng chéo, gây khó khăn cho hoạt động công chứng.

*Thứ năm, công tác quản lý nhà nước, tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV còn hạn chế*

- Công tác quản lý nhà nước về công chứng còn chưa thực sự hiệu quả, sâu sát, trong đó việc thanh tra, kiểm tra vẫn còn hạn chế, chưa phát hiện và xử lý dứt điểm những hiện tượng tiêu cực làm ảnh hưởng đến uy tín nghề công chứng, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong đội ngũ CCV và tạo dư luận xã hội không tốt.

- Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV chưa phát huy đầy đủ vai trò tự quản nghề nghiệp; hoạt động của Hiệp hội và các Hội CCV chưa phong phú, đa dạng; có không ít Hội CCV hầu như chỉ thực hiện thủ tục gia nhập và rút khỏi Hội mà chưa triển khai được các nhiệm vụ, quyền hạn khác của Hội đối với quá trình hành nghề của hội viên, đặc biệt là nhiệm vụ đại diện, bảo vệ hội viên, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về nghiệp vụ hoặc chủ động phát hiện sớm các hành vi vi phạm, phối hợp với Sở Tư pháp trong việc quản lý hội viên…

Trước yêu cầu thực tiễn của hoạt động công chứng, việc sửa đổi toàn diện Luật Công chứng năm 2014 nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập nêu trên, tạo điều kiện để tiếp tục phát triển hoạt động công chứng theo hướng xã hội hóa, chuyên nghiệp hóa, phù hợp với thông lệ quốc tế là rất cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬTCÔNG CHỨNG (SỬA ĐỔI)**

**1. Mục đích**

Việc ban hành Luật Công chứng (sửa đổi) nhằm bảo đảm thực hiện chủ trương, đường lối mới của Đảng và Nhà nước về tổ chức và hoạt động công chứng; đồng thời khắc phục những hạn chế, bất cập về thể chế, tạo cơ sở pháp lý cho bước phát triển mới của hoạt động công chứng theo chủ trương xã hội hóa, nâng cao chất lượng và tính bền vững của hoạt động công chứng, từng bước phát triển nghề công chứng Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế.

**2. Quan điểm chỉ đạo**

2.1. Tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về xã hội hóa hoạt động công chứng theo bước đi và lộ trình phù hợp, chuyển đổi số, phát huy vai trò của công chứng trong phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, cải cách tư pháp đã được xác định tại Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

2.2. Hoạt động công chứng phải góp phần bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch trong xã hội, nhất là giao dịch về bất động sản; phòng ngừa tranh chấp, khiếu kiện; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà nước, cá nhân, tổ chức; hỗ trợ hoạt động xét xử; tiết kiệm chi phí cho nhà nước và xã hội, qua đó góp phần bảo đảm trật tự an toàn xã hội, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

2.3. Kế thừa, phát triển những quy định đã được thực tiễn kiểm nghiệm của các Luật hiện hành, luật hoá các quy định có tính nguyên tắc trong các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đồng thời sửa đổi, bổ sung các quy định về điều kiện hành nghề công chứng, thành lập các Văn phòng công chứng, nâng cao chất lượng đội ngũ công chứng viên, tăng cường trách nhiệm của công chứng viên trong hoạt động công chứng để công chứng thực sự trở thành một công cụ “bảo vệ” người dân trong quan hệ dân sự, qua đó bảo đảm tốt hơn cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công chứng trong điều kiện các giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại ngày càng đa dạng, phong phú và phức tạp.

2.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công chứng, tạo cơ sở pháp lý cho việc phát huy vai trò tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên trong quản lý hoạt động công chứng từ góc độ nghề nghiệp, tham gia, hỗ trợ cho công tác quản lý nhà nước về công chứng.

2.5. Nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các nước, thông lệ quốc tế về công chứng, phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động công chứng ở Việt Nam; tạo điều kiện để công chứng nước ta hội nhập với nghề công chứng quốc tế, phù hợp với Liên minh công chứng quốc tế.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT CÔNG CHỨNG (SỬA ĐỔI)**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

- Về cơ bản, Luật Công chứng (sửa đổi) vẫn giữ nguyên một số quy định đang phát huy tác dụng trong thực tiễn về công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, hành nghề công chứng, trình tự, thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch, quản lý nhà nước về hoạt động công chứng.

- Ngoài ra, Luật sửa đổi, bổ sung các quy định: (1) Xác định rõ hơn khái niệm, chức năng, nhiệm vụ của công chứng; (2) Phát triển đội ngũ CCV đáp ứng yêu cầu thực tiễn (số lượng và chất lượng) để vừa tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa nhưng vẫn bảo đảm cung cấp dịch vụ công chứng đầy đủ, kịp thời tại các vùng địa bàn khó khăn; Phát triển các TCHNCC đáp ứng yêu cầu về số lượng và phân bổ hợp lý, nhất là tại các vùng địa bàn khó khăn; (3) Xác định mô hình TCHNCC phù hợp với điều kiện mới; tăng cường sự quản lý nhà nước; (4) Tăng cường quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực thông qua việc xác định đúng đối tượng trọng tâm của công tác quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực để có các giải pháp, công cụ quản lý phù hợp, hiệu quả nhằm bảo đảm phát triển hoạt động công chứng, chứng thực đúng định hướng và bản chất; (5) Phát huy trách nhiệm tự quản của tổ chức XH-NN của CCV phù hợp với quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế; (6) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng để thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động công chứng theo lộ trình phù hợp.

Với phạm vi sửa đổi như trên, dự kiến Luật sẽ sửa đổi, bổ sung 39 điều, bổ sung mới 9 điều trên tổng số 90 điều. Với số lượng điều, khoản dự kiến sửa đổi, bổ sung như vậy, Bộ Tư pháp dự kiến sẽ xây dựng dự án Luật Công chứng (sửa đổi).

**2. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng áp dụng của Luật Công chứng là: tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động công chứng.

**IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

Để đạt được mục đích sửa đổi của Luật Công chứng như đã đặt ra, trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo nêu trên, đề xuất sửa đổi Luật Công chứng lần này sẽ tập trung giải quyết 5 nhóm chính sách lớn, xuyên suốt toàn bộ nội dung của Luật, cụ thể như sau:

**Chính sách 1.** Xác định chính xác, rõ và đầy đủ nội hàm hoạt động công chứng, phạm vi thẩm quyền của CCV để vừa bảo đảm phát triển hoạt động công chứng đúng các nguyên tắc cơ bản của công chứng Latinh, vừa phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Việt Nam; bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, phòng ngừa các tranh chấp có thể phát sinh và bảo đảm giá trị chứng cứ, hiệu lực thi hành của văn bản công chứng, phục vụ hoạt động xét xử.

**Chính sách 2.** Phát triển đội ngũ CCV bền vững với số lượng phù hợp với nhu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch của từng địa phương và cả nước; phân bổ hợp lý; thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được Nhà nước giao với trình độ chuyên môn vững vàng, tuyệt đối tuân thủ pháp luật, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cao.

**Chính sách 3.** Phát triển các TCHNCC phù hợp với nhu cầu, số lượng và phân bổ CCV, có mô hình tổ chức hoạt động phù hợp với tính chất của hoạt động công chứng và yêu cầu thực tiễn, có năng lực phù hợp để thực hiện đúng chức năng hỗ trợ quá trình hành nghề của CCV.

Chính sách 4. Quy định linh hoạt hơn về trình tự, thủ tục nhưng vẫn bảo đảm các nguyên tắc cơ bản của hoạt động công chứng nội dung; tạo lập nền tảng pháp lý cần thiết để triển khai việc chuyển đổi số trong hoạt động công chứng phù hợp với xu thế và yêu cầu của thời kỳ mới.

Chính sách 5. Nâng cao năng lực và hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công chứng, phát huy trách nhiệm tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV phù hợp với quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.

Mỗi nhóm chính sách này sẽ bao gồm các chính sách cụ thể, có chính sách kế thừa, cụ thể hóa quy định hiện hành và có chính sách mới cụ thể như sau:

**1. Chính sách 1. Xác định chính xác, rõ và đầy đủ nội hàm hoạt động công chứng, phạm vi thẩm quyền của công chứng viên để vừa bảo đảm phát triển hoạt động công chứng đúng các nguyên tắc cơ bản của công chứng Latinh, vừa phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Việt Nam; bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, phòng ngừa các tranh chấp có thể phát sinh và bảo đảm giá trị chứng cứ, hiệu lực thi hành của văn bản công chứng, phục vụ hoạt động xét xử.**

***1.1. Mục tiêu chính sách***

Xác định chính xác, đầy đủ hơn nội hàm hoạt động công chứng; phạm vi thẩm quyền của CCV để trong việc công chứng hợp đồng, giao dịch bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia giao dịch, hợp đồng; phòng ngừa tranh chấp, phục vụ hoạt động xét xử.

***1.2. Nội dung chính sách***

Xác định công chứng là dịch vụ công do nhà nước ủy nhiệm cho các công chứng viên chứng nhận tính xác thực, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch. Đối với các địa bàn cấp huyện chưa phát triển được tổ chức hành nghề công chứng hoặc *Ở các địa bàn cấp xã và các cấp xã liền kề chưa có tổ chức hành nghề công chứng đặt trụ sở thì Phòng Tư pháp huyện, quận, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc công chứng đối với hợp đồng, giao dịch* thì nhiệm vụ công chứng hợp đồng, giao dịch giao tạm thời cho UBND cấp xã thực hiện. Khi thực hiện việc công chứng hợp đồng, giao dịch, Phòng Tư pháp cấp huyện, UBND cấp xã phải tuân theo trình tự, thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch theo quy định của Luật này, có một số quyền và nghĩa vụ như công chứng viên; được thu phí và thù lao công chứng và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại như đối với việc chứng nhận hợp đồng, giao dịch của các tổ chức hành nghề công chứng.

Bên cạnh đó, chính sách đề xuất sửa đổi theo hướng bãi bỏ quy định về công chứng bản dịch, xác định việc chứng thực bản dịch thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về chứng thực.

***1.3. Giải pháp thực hiện chính sách***

Luật hóa quy định pháp luật theo hướng: xác định rõ hơn về khái niệm công chứng, phạm vi thẩm quyền của công chứng viên; quy định thống nhất đối với việc công chứng giao dịch, hợp đồng; xác định mô hình công chứng phù hợp để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người dân và lợi ích của Nhà nước.

Bộ Tư pháp lựa chọn phương án này vì lý do sau:

- Chuyên nghiệp hóa, chuyên môn hóa hoạt động công chứng;

- Giảm tải công việc cho Phòng Tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, qua đó tiết kiệm biên chế và ngân sách nhà nước;

- Khắc phục sự chồng chéo, trùng lặp về nhiệm vụ giữa công chứng viên và người làm nhiệm vụ chứng thực theo quy định của Luật Công chứng và Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Đồng thời chuyển việc công chứng bản dịch về đúng đối tượng điều chỉnh của pháp luật chứng thực.

- Tập trung nguồn lực của CCV và tổ chức hành nghề công chứng vào các nhiệm vụ thể hiện đúng bản chất của hoạt động sẽ tạo ra lợi ích tối ưu, tránh sự lãng phí vào những nhiệm vụ không có tính khả thi (ví dụ việc công chứng bản dịch).

**2. Chính sách 2. Phát triển đội ngũ công chứng viên bền vững với số lượng phù hợp với nhu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch của từng địa phương và cả nước; phân bổ hợp lý; thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được Nhà nước giao với trình độ chuyên môn vững vàng, tuyệt đối tuân thủ pháp luật, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cao.**

***2.1. Mục tiêu chính sách***

Phát triển đội ngũ công chứng viên có định hướng, có sự điều tiết của Nhà nước nhằm đáp ứng nhu cầu công chứng giao dịch, hợp đồng của từng địa phương và cả nước; có sự phân bổ hợp lý, bảo đảm sự bền vững, chất lượng phù hợp.

***2.2. Nội dung chính sách***

Hoàn thiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm công chứng viên, quyền và nghĩa vụ của công chứng viên, các biện pháp xử lý công chứng viên vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

***2.3. Giải pháp thực hiện chính sách***

Luật hóa các quy định pháp luật theo hướng: Lấy công chứng viên làm trung tâm của hoạt động công chứng, theo đó số lượng và phân bổ công chứng viên được xác định căn cứ vào nhu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch của từng giai đoạn, từng địa phương; số lượng công chứng viên là nhân tố quyết định số lượng tổ chức hành nghề công chứng; chữ ký của CCV là điều kiện cần và đủ để văn bản công chứng có hiệu lực; bảo đảm chất lượng đội ngũ CCV từ giai đoạn đào tạo, tập sự, bổ nhiệm và trong cả quá trình hành nghề; CCV tự mua bảo hiểm và đóng góp cho quỹ bồi thường thiệt hại khác (nếu có) và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do mình gây ra thông qua cơ chế bảo hiểm, bồi thường thiệt hại mà mình đã đóng góp.

Bộ Tư pháp đề xuất lựa chọn giải pháp này vì những lý do sau:

- Việc số lượng CCV phù hợp với nhu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch sẽ khắc phục được tình trạng lãng phí về thời gian, tiền của, nhân lực.

- Việc thành lập TCHNCC phù hợp với số lượng CCV giúp cắt giảm kinh phí, nhân lực, thời gian thành lập TCHNCC;

- Việc CCV của Văn phòng công chứng trực tiếp chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại giúp nâng cao trách nhiệm của công chứng viên đối với văn bản công chứng, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người yêu cầu công chứng.

3. Chính sách 3. Phát triển các TCHNCC phù hợp với nhu cầu, số lượng và phân bổ CCV, có mô hình tổ chức hoạt động phù hợp với tính chất của hoạt động công chứng và yêu cầu thực tiễn, có năng lực phù hợp để thực hiện đúng chức năng hỗ trợ quá trình hành nghề của CCV.

3.1. Mục tiêu chính sách

Phát triển TCHNCC có định hướng phù hợp với sự phát triển đội ngũ CCV, có mô hình tổ chức linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của CCV.

**3.2. Nội dung chính sách**

Hoàn thiện các quy định về TCHNCC, có mô hình tổ chức hoạt động phù hợp với tính chất của hoạt động công chứng và yêu cầu thực tiễn.

**3.3. Giải pháp thực hiện chính sách**

Luật hóa các nội dung sau:

- Quy định loại hình VPCC theo loại hình doanh nghiệp tư nhân, mở rộng cơ hội lựa chọn và thay đổi tên gọi của VPCC.

- Quy định thủ tục thành lập và quản lý hoạt động của VPCC bảo đảm chặt chẽ, sát sao để VPCC thực sự là của CCV, kiên quyết loại bỏ tình trạng chủ đầu tư sở hữu và thao túng hoạt động của VPCC.

- Quy định giảm bớt vai trò của TCHNCC theo hướng TCHNCC là điều kiện cần để CCV hoạt động chứ không phải là điều kiện bắt buộc và là phương tiện hỗ trợ cho CCV trong việc đồng chịu trách nhiệm, hỗ trợ về cơ sở vật chất, hạch toán về thuế, phí và là đầu mối giúp CCV thực hiện nghĩa vụ với nhà nước chứ không nên là cơ quan quản lý CCV[[1]](#footnote-1).

Bộ Tư pháp đề xuất lựa chọn giải pháp này vì các lý do sau:

- Tạo sự ổn định trong tổ chức, hoạt động của các TCHNCC; VPCC được thành lập và hoạt động không trên cơ sở hợp danh “cưỡng ép”, “mượn danh” giảm tranh chấp nội bộ giữa các thành viên hợp danh.

- Cắt giảm số lần thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến việc hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng VPCC do VPCC thực sự thuộc sở hữu của các CCV, được tự do lựa chọn mô hình hoạt động phù hợp, tên gọi theo lựa chọn và có thể giữ lâu dài...., do đó các biến động như hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng sẽ ít xảy ra hơn hẳn so với trước đây.

**4. Chính sách 4: Quy định linh hoạt hơn về trình tự, thủ tục nhưng vẫn bảo đảm các nguyên tắc cơ bản của hoạt động công chứng nội dung; tạo lập nền tảng pháp lý cần thiết để triển khai việc chuyển đổi số trong hoạt động công chứng phù hợp với xu thế và yêu cầu của thời kỳ mới.**

*4.1. Mục tiêu chính sách*

Tạo quy trình thủ tục công chứng linh hoạt hơn để CCV được chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm đối với việc công chứng của mình; tạo nền tảng pháp lý vững chắc cần thiết cho việc chuyển đổi số hoạt động công chứng.

4.2. Nội dung chính sách

Xác định rõ công chứng Việt Nam là công chứng nội dung; tiếp tục hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch linh hoạt nhưng phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc của công chứng nội dung, tiến tới cho phép thực hiện công chứng một số hợp đồng, giao dịch nhất định trên môi trường điện tử.

***4.3. Giải pháp thực hiện***

Luật hóa các nội dung sau

- Quy định rõ những công đoạn bắt buộc phải thực hiện trong quy trình công chứng và quy trình nào phải do CCV thực hiện, quy trình nào có thể do người khác thực hiện[[2]](#footnote-2) để làm rõ nhiệm vụ, quyền hạn của từng chủ thể;

- Cho phép sử dụng bản sao giấy tờ đối với một số trường hợp cụ thể[[3]](#footnote-3); một số nội dung khác (địa điểm công chứng, thời hạn công chứng, trách nhiệm xác minh, thẩm định…) được quy định phù hợp hơn nhằm giúp quy trình công chứng thông suốt hơn mà vẫn bảo đảm các giá trị cốt lõi của hoạt động này;

- Cải tiến quy trình công chứng truyền thống, yêu cầu tiên quyết là phải tạo cơ sở pháp lý cho việc chuyển đổi số hoạt động công chứng theo lộ trình phù hợp:

Bộ Tư pháp lựa chọn giải pháp này vì các lý do sau:

- Việc quy định linh hoạt về trình tự, thủ tục công chứng sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội:

- Việc triển khai từng bước quá trình chuyển đổi số hoạt động công chứng tạo ra những thay đổi mang tính chất đột phá về phương pháp, về quy trình làm việc, cách thức và hiệu quả cung cấp dịch vụ dựa trên sức mạnh của công nghệ kỹ thuật số, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công chứng.

- Giúp hoàn thiện hệ thống pháp luật công chứng, đặc biệt quan trọng với việc tạo lập nền tảng pháp lý vững chắc cho quá trình chuyển đổi số hoạt động công chứng.

5. Chính sách 5: Nâng cao năng lực và hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công chứng, phát huy trách nhiệm tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV phù hợp với quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.

*5.1. Mục tiêu chính sách*

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước để phát triển hoạt động công chứng đúng hướng, được điều tiết hợp lý; phát huy mạnh mẽ vai trò tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV.

***5.2. Nội dung chính sách***

- Xác định công chứng là một nghề đặc thù - nghề liên quan đến quyền lực của Nhà nước. Do đó, Nhà nước cần điều tiết và quản lý chặt chẽ. Vì nếu các CCV nhân danh Nhà nước thực hiện quyền công chứng giao dịch không tốt sẽ làm ảnh hưởng đến uy tín của Nhà nước khiến nhân dân mất lòng tin vào Nhà nước;

- Hoàn thiện quy định pháp luật về quản lý nhà nước về công chứng thông qua các tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm công chứng viên; thành lập, thay đổi hoạt động, chấm dứt, giải thể TCHNCC; trao thêm quyền cho tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV để tổ chức này phát huy vai trò tự quản.

***5.3. Giải pháp thực hiện chính sách***

Luật hóa các nội dung sau:

- Quy định các biện pháp quản lý nhà nước theo hướng siết chặt tiêu chuẩn, điều kiện trở thành CCV, kiểm soát điều kiện hành nghề và toàn bộ quá trình hành nghề của CCV; đồng thời, quy định chặt chẽ hơn về thành lập và đăng ký hoạt động, thay đổi thành viên hợp danh của VPCC, các trường hợp thu hồi giấy phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của VPCC…).

- Quy định tăng quyền cho tổ chức XH-NN của công chứng viên như: giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật về công chứng, quy tắc đạo đức hành nghề công chứng; quy định rõ hơn quyền có ý kiến với cơ quan quản lý nhà nước trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm CCV, thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng, chấm dứt hoạt động của TCHNCC trong trường hợp những việc này ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công chứng viên.

Bộ Tư pháp lựa chọn giải pháp này vì các lý do sau:

- Việc phát triển hoạt động công chứng có định hướng, có sự điều tiết của nhà nước sẽ giúp hoạt động công chứng phát triển ổn định, bền vững, tránh tình trạng thành lập, chấm dứt hoạt động tràn lan gây mất ổn định cho hệ thống TCHNCC.

- Giảm gánh nặng của nhà nước (ngân sách, biên chế, thời gian) dành cho việc quản lý tổ chức và hoạt động công chứng nhờ sự việc phát huy tối đa vai trò tự quản của tổ chức XH-NN.

- Tổ chức XH-NN của CCV có cơ hội và buộc phải thể hiện tốt hơn nhiệm vụ, quyền hạn của mình đáp ứng đúng yêu cầu, quy định của LCC về vai trò, chức năng của tổ chức.

- Tạo cơ sở cần thiết cho việc sửa đổi, bổ sung Nghị định, Thông tư liên quan đến quy định về quản lý nhà nước, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về công chứng.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

**1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Luật**

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công chứng trong phạm vi cả nước.

- Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý nhà nước về công chứng.

- Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với Bộ Tư pháp trong quản lý nhà nước về công chứng.

- Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về công chứng trong phạm vi địa phương mình.

**2. Các điều kiện đảm bảo thi hành Luật**

***2.1. Ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành***

Sau khi Luật Công chứng (sửa đổi) được ban hành, Chính phủ giao các Bộ chuẩn bị theo thẩm quyền để ban hành các văn bản quy định chi tiết và triển khai Luật đầy đủ, đúng tiến độ.

***2.2. Tổ chức thực thi luật sau khi ban hành***

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Luật và các quy định liên quan; Bộ Tư pháp đã xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Luật kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Luật, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Luật.

- Giám sát, thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành luật:thực hiện công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành luật và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

***2.3. Nguồn kinh phí để triển khai Luật***

Sau khi Luật Công chứng (sửa đổi) được ban hành, dự kiến một số hoạt động cơ bản cần bố trí kinh phí để triển khai trong thực tiễn gồm:

- Xây dựng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về công chứng và cơ sở dữ liệu công chứng địa phương.

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật công chứng của các cơ quan trung ương và địa phương.

Kinh phí triển khai hoạt động nêu trên sẽ được thực hiện lồng ghép trong ngân sách chi thường xuyên của các cơ quan trung ương, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

***2.4. Đánh giá nguồn lực thực hiện dự án Luật***

Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, không làm phát sinh thủ tục mới, một số hồ sơ, giấy tờ còn được bãi bỏ hoặc giảm bớt để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động liên quan đến lĩnh vực công chứng.

Như vậy, sau khi Luật này được ban hành, các cơ quan quản lý công chứng vẫn tiếp tục thực hiện các quy định về tổ chức và hoạt động công chứng đã được quy định trong Luật Công chứng hiện hành mà không làm phát sinh về nhân lực, để triển khai thực hiện. Có phát sinh tài chính để xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về công chứng. Tuy nhiên, các lợi ích thu lại được từ việc này rất lớn như: tạo sự thuận tiện tối đa và giảm thiểu chi phí cho người yêu cầu công chứng, ngăn chặn hiệu quả các hành vi gian lận và giả mạo trong hoạt động công chứng, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công chứng, tạo ra các tiền đề và cơ sở để hội nhập quốc tế về công chứng, tiến tới chuyển đổi số trong lĩnh vực công chứng để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của chương trình chuyển đổi số quốc gia.

**3. Đánh giá tác động thủ tục hành chính**

Căn cứ quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và sau khi tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức góp ý cho dự thảo, Bộ Tư pháp đã rà soát, đối chiếu với pháp luật có liên quan (như ….) và báo cáo kết quả đánh giá tác động thủ tục hành chính nêu trong dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) như sau:

***3.1. Sự cần thiết quy định thủ tục hành chính trong dự thảo Luật***

Công chứng là dịch vụ công do Nhà nước ủy nhiệm cho công chứng nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch; phòng ngừa tranh chấp; góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, công chứng tác động trực tiếp đến đời sống cá nhân, tổ chức. Luật Công chứng năm 2014 có hiệu lực thi hành từ 1/7/2015 đã có các quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực công chứng. Các thủ tục này trước hết nhằm mục tiêu đảm bảo cho việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến công chứng cũng như góp phần bảo đảm cho việc tăng cường quản lý nhà nước về công chứng. Tuy nhiên, Luật Công chứng năm 2014 đã được thực hiện hơn 7 năm, trải qua quá trình thực hiện cho thấy cũng cần thiết phải có sự nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các nội dung cho phù hợp với sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, trong đó thủ tục hành chính là một trong những nội dung cần thiết được quy định trong Luật sửa đổi lần này theo hướng bảo đảm thủ tục hành chính được đơn giản, công khai, minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện.

***3.2. Tính hợp lý của thủ tục hành chính***

Các thủ tục hành chính quy định trong dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) được nghiên cứu nhằm đảm bảo các quy định thống nhất, đồng bộ với các thủ tục hành chính trong các pháp luật có liên quan như các thủ tục được quy định trong Luật Đất đai, Luật Nhà ở.... Theo dự thảo Luật thì có các nhóm vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính, bao gồm: *(i)* nhóm bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm công chứng viên; *(ii)* nhóm thành lập, thay đổi đăng ký hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng Văn phòng công chứng; *(iii)* nhóm về tập sự hành nghề công chứng.

Các thủ tục này được xác định rõ ràng về cơ quan có trách nhiệm giải quyết, thành phần giấy tờ, thời gian thực hiện thủ tục.

***3.3. Tính hợp pháp của thủ tục hành chính***

Hầu hết các thủ tục hành chính quy định trong Luật Công chứng (sửa đổi) là các quy định đã được Chính phủ ban hành và đang được áp dụng trong thực tế.

***3.4. Về đánh giá chi phí thực hiện thủ tục hành chính***

Căn cứ quy định về đánh giá thủ tục hành chính tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ thì phải có đánh giá mức chi phí cho các thủ tục hành chính. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp cho rằng các thủ tục hành chính quy định trong đề nghị xây dựng Luật Công chứng (sửa đổi) đều đã được quy định trong Luật Công chứng hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành. Vì vậy, dự thảo Luật không quy định các thủ tục hành chính mới.

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA DỰ ÁN LUẬT CÔNG CHỨNG (SỬA ĐỔI)**

Thời gian dự kiến trình Quốc hội xem xét hồ sơ đề nghị sửa đổi Luật Công chứng và thông qua Nghị quyết đưa Luật Công chứng vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024: tại kỳ họp thứ ... (tháng ... năm 2024) của Quốc hội khóa XV.

Thời gian dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua đối với dự án Luật Công chứng (sửa đổi) vào kỳ họp thứ 7 (tháng ... năm 2024) của Quốc hội khóa XV.

Dự án Luật Công chứng (sửa đổi) nếu được thông qua sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày .................

**VII. VỀ TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH**

Ngày....../2022, Hội đồng thẩm dịnh đã họp và có ý kiến thẩm định về đề nghị xây dựng Luật Công chứng (sửa đổi). Bộ Tư pháp đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và chỉnh lý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật này (*chi tiết xem Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định).*

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng dự án Luật Công chứng(sửa đổi), Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Chính phủ;  - Lưu : VT, Cục BTTP. | **BỘ TRƯỞNG**  **Lê Thành Long** |

1. Trách nhiệm này thuộc về cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức xã hội – nghề nghiệp của CCV [↑](#footnote-ref-1)
2. Người khác ở đây không phải là bất kỳ ai mà phải là người có chức danh cụ thể với quyền, nghĩa vụ được xác định (thư ký nghiệp vụ/thư ký công chứng viên/nhân viên nghiệp vụ). [↑](#footnote-ref-2)
3. Một số ví dụ về trường hợp có thể sử dụng bản sao các loai giấy tờ: (i) Cho phép sử dụng bản sao trích lục và bản sao chứng thực đối với: Giấy khai sinh, giấy chứng tử, giấy đăng ký kết hôn (một số trường hợp cụ thể) trong các giao dịch về thừa kế, tặng cho…; (ii) Cho phép sử dụng bản sao chứng thực đối với: sổ hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân, giấy xác minh nhân khẩu, với mục đích để chứng minh một số tình tiết cụ thể như chứng minh số chứng minh thư nhân dân cũ, hộ khẩu thường trú trong quá khứ; (iii) Cho phép sử dụng bản chính hoặc bản sao hợp đồng, văn bản đã được công chứng để chứng minh một số tình tiết tại thời điểm công chứng văn bản đó như nguồn gốc tạo lập tài sản, tình trạng hôn nhân, tình trạng nhân khẩu… [↑](#footnote-ref-3)